

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2022/DS-ST**

Ngày: 10/8/2022

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Ứng Cường.

Ông Nguyễn Thành Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông L1 Sễn, kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 271/2022/TLST - DS ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST - DS ngày 27/4/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Dương Văn L, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp TH, xã TL, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Người được anh L ủy quyền: Anh Chiêm Thành L1, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Ấp AK, xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

* Bị đơn: Bà Nguyễn Kim Th, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Ấp TH, xã TL, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Dương Văn L trình bày và yêu cầu như sau: Vào ngày 02/6/2021, anh L có cho bà Nguyễn Kim Th vay 02 lần với tổng số tiền gốc là

320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*), thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng, bà Th nhận tiền tại nhà anh L và hai bên không có làm biên nhận nợ. Sau khi vay xong thì bà Th không trả lãi như đã thỏa thuận.

Đến ngày 28/10/2021, bà Th có ký tên vào tờ cam kết và hứa đến ngày 20/11/2021 sẽ trả cho anh L 01 lần số tiền 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi nhưng cho đến nay bà Th vẫn không trả cho anh L khoản tiền nào.

Ngày 30/11/2021, anh L có nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng giữa anh L và bà Th không thỏa thuận được nên anh L khởi kiện yêu cầu bà Th trả 01 lần cho anh số tiền gốc là 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định từ ngày 02/6/2021 cho đến khi kết thúc vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Kim Th trình bày và yêu cầu như sau:* Bà Th xác nhận, tờ biên nhận ngày 28/10/2021 mà anh L cung cấp là do bà trực tiếp ký và viết họ tên nhưng số tiền vay là không đúng.

Bà cho rằng, bà chỉ nợ anh L là 05 chỉ vàng 24kr và 77.000.000 đồng (*trong đó tiền gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 7.000.000 đồng*). Bà ký tên vào tờ cam kết ngày 28/10/2021 là do anh L ép bà ký. Do đó, bà không đồng ý trả cho anh L số tiền gốc 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) mà chỉ đồng ý trả cho anh L 05 (*năm*) chỉ vàng 24kr và số tiền 77.000.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu đồng*).

Đối với phần tiền lãi trước đây bà đã trả cho anh L tổng cộng là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*), cụ thể: 01 lần trả 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) nhờ anh Huỳnh Đ - ấp TT, xã PT, Rạch Giá, Kiên Giang đưa anh L nhận; 01 lần 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) mượn của anh Tr trả cho anh L; 01 lần 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) do bà trực tiếp đưa anh L ở ngoài đường. Do bà không có chứng cứ gì để chứng minh việc bà có trả cho anh L 01 phần tiền lãi là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) nên bà chỉ yêu cầu cản trừ số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) mà anh L nhận từ anh Huỳnh Đ vào số tiền vay gốc bà còn nợ anh L. Bà đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày bà vay cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2022 đối với người làm chứng anh Huỳnh Đ xác nhận như sau:* Anh Đ xác nhận, tờ giấy xác nhận bà Th cung cấp cho Tòa án là do anh viết và ký tên. Trước đây, bà Th có nhờ anh tìm người

mai mới để bà Th cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Th với số tiền bao nhiêu thì anh không còn nhớ nhưng sau khi bà Th cầm cố đất xong thì anh có trực tiếp nhận của bà Th 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) để đưa anh L dùm vì bà Th có việc bận không đưa anh L được. Khi bà Th nhờ anh Đ đưa tiền dùm cho anh L thì bà Th không có nói đây là tiền gì và khi anh đưa số tiền này lại cho anh L anh cũng không nghe anh L nói đây là tiền gì. Anh L nhận tiền tại nhà anh Đ và nhận trực tiếp từ anh Đ.

** Tại phiên tòa:*

- Anh L1 (*đại diện ủy quyền của anh L*) yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Kim Th trả 01 lần cho anh L 01 lần số tiền vay gốc là 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định từ ngày 02/6/2021 cho đến khi kết thúc vụ kiện. Đồng thời, anh L1 xác nhận anh L có nhận số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) từ anh Huỳnh Đ nhưng số tiền này là anh L nhận dùm rồi về giao số tiền này lại cho chị Th. Do anh L không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc này nên anh L đồng ý căn trừ số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) này vào phần tiền lãi của bà Th còn nợ.

- Bà Th đồng ý trả cho anh L số tiền là 77.000.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu đồng*), 05 (*năm*) chỉ vàng 24kr và đồng ý trả lãi theo quy định từ ngày vay cho đến khi kết thúc vụ kiện. Đồng thời, bà yêu cầu căn trừ số tiền mà anh L nhận từ anh Đ vào số tiền gốc và lãi mà bà còn nợ anh L. Số còn lại bà Th xin trả dần cho đến khi hết nợ.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu của anh Dương Văn L, buộc bà Nguyễn Kim Th trả cho anh L số tiền vay là 320.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 02/6/2021.

Đối với yêu cầu của bà Th về việc trả cho anh L 05 chỉ vàng 24kr và 77 triệu đồng là chưa có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện, bị đơn có nơi cư trú tại ấp TH, xã TL, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015.

Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc là 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) và lãi do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đủ cơ sở để HĐXX xác định quan hệ tranh chấp xảy ra giữa các đương sự là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS 2015.

[2] *Về nội dung trong vụ án*: Vào ngày 02/6/2021, anh L có cho bà Th vay 02 lần với tổng số tiền gốc là 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*), thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng sau khi vay bà Th không trả lãi cho anh L như đã thỏa thuận nên ngày 28/10/2021 bà Th có ký vào tờ cam kết và hứa đến ngày 20/11/2021 sẽ trả cho anh L 01 lần số tiền gốc và lãi. Ngày 30/11/2021, anh L có nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng giữa anh L và bà Th không thỏa thuận được nên anh L khởi kiện yêu cầu bà Th trả cho anh 01 lần số tiền gốc là 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định từ ngày 02/6/2021 cho đến khi kết thúc vụ án.

2.1 Về phần tiền gốc:

Xét nội dung khởi kiện của anh L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Th trả cho anh L số tiền gốc còn nợ là 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) thì HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu chứng cứ mà anh L cung cấp được bà Th xác nhận việc bà có vay tiền của anh L, có thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc là đúng và bà Th có trực tiếp ký vào tờ cam kết mà anh L đã cung cấp cho Tòa án. Do đó, anh L không cần phải chứng minh cho yêu cầu của anh về việc yêu cầu bà Th trả số tiền gốc là 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*).

Đối với lời khai nại của bà Th: Bà cho rằng số nợ gốc mà bà nợ anh L chỉ có 05 (*Năm*) chỉ vàng 24kr và 77.000.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu đồng*) và bà ký vào tờ cam kết là do anh L ép bà ký nên bà không đồng ý trả theo yêu cầu của anh L mà chỉ đồng ý trả 05 (*Năm*) chỉ vàng 24kr và 77.000.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu đồng*). Trong trường hợp này, bà Th là người phải có nghĩa

vụ chứng minh về số tiền và số vàng mà bà còn nợ anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Th không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày của bà là đúng và phía anh L cũng không thừa nhận nên HĐXX căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu của bà Th được trả dần số nợ cho anh L, HĐXX xét thấy, cách thức và thời gian trả dần số nợ của bà Th là kéo dài thêm thời gian, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của anh L. Tại phiên tòa, phía anh L cũng không đồng ý theo cách trả dần số nợ của bà Th. Đồng thời, Tòa án không ấn định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên yêu cầu này của bà Th là không có cơ sở để HĐXX xem xét.

2.2 Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác nhận, khi giao dịch giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 3%/tháng nhưng khi khởi kiện anh L yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, mức lãi suất mà anh L yêu cầu bà Th trả là 20%/năm tính từ ngày bà Th vay đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 và tại phiên tòa bà Th đồng ý trả lãi theo yêu cầu của anh L nên HĐXX chấp nhận.

Đối với lời trình bày của bà Th cho rằng trong quá trình bà vay nợ của anh L thì bà có trả tiền lãi cho anh L nhiều lần tổng cộng hơn 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*) nhưng bà Th chỉ cung cấp được chứng cứ cho số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). HĐXX xét thấy, qua xác minh đối với người làm chứng là anh Huỳnh Định và tại phiên tòa phía anh L thừa nhận có nhận số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) từ anh Huỳnh Đ và đồng ý căn trừ vào số tiền lãi mà bà Th còn nợ nên HĐXX chấp nhận căn trừ số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) theo yêu cầu của bà Th. Đối với số tiền lãi 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) còn lại bà Th trình bày nhưng không có gì để chứng minh nên HĐXX không xem xét.

Số tiền lãi từ ngày 02/6/2021 cho đến ngày 10/8/2022 là 14 tháng 08 ngày, được tính như sau: $[320.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%] \times 14 \text{ tháng}$ (được làm tròn) = 74.368.000 đồng – 50.000.000 đồng (anh L đã nhận) = 24.368.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

Từ những cơ sở nêu trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Buộc bà Th có nghĩa vụ trả cho anh L số

tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 10/8/2022 với tổng số tiền là 344.368.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

- Bà Th phải chịu án phí (344.368.000 đồng x 5%) = 17.218.400 đồng (*Mười bảy triệu, hai trăm mười tám nghìn, bốn trăm đồng*).

- Yêu cầu của anh L được chấp nhận nên hoàn trả lại cho anh L số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Kim Th trả cho anh Dương Văn L tổng số tiền 344.368.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng*). Trong đó, tiền gốc là 320.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 10/8/2022 là 24.368.000 đồng.

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bà Th không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng bà Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

- Buộc bà Nguyễn Kim Th phải chịu án phí số tiền là 17.218.000 đồng (*Mười bảy triệu, hai trăm mười tám nghìn, bốn trăm đồng*)

- Hoàn trả cho anh Dương Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) theo lai thu số 0000913 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/8/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Châu Thành;
- THAND H. Châu Thành;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh